FireAnt

CTCP Quốc tế Sơn Hà (HSX: SHI)

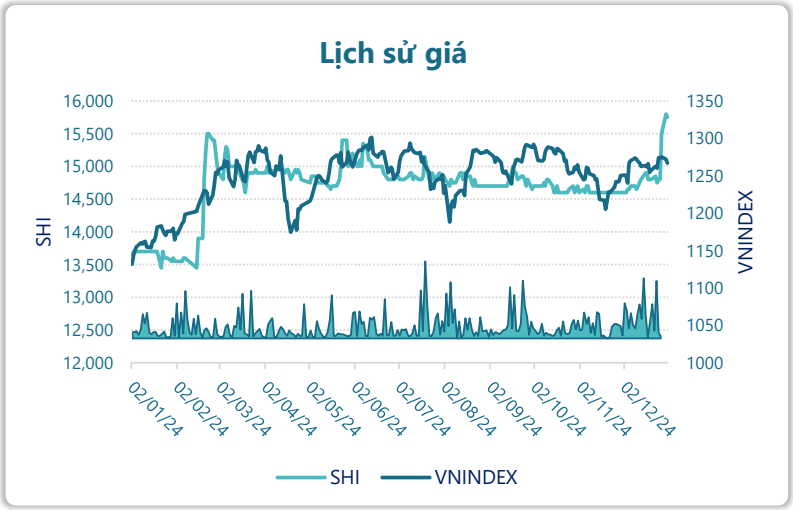

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,450
SL cổ phiếu LH	161,857,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)	669,260
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,549
P/E	32.5
EPS	485

DT thuần

Q4/24

3,922

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,354| 52.7%

YoY: ▲ 1,189| 43.5%

LN sau thuế

Q4/24

31.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.7| -46.2%

YoY: ▲ 11.6| 59.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.0%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

11,252

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,647| 17.1%

LN sau thuế

2024

111

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 51.9| 87.4%

ROE

2024

3.8%

+/- YoY: ▲ 3.0%

Kết quả kinh doanh

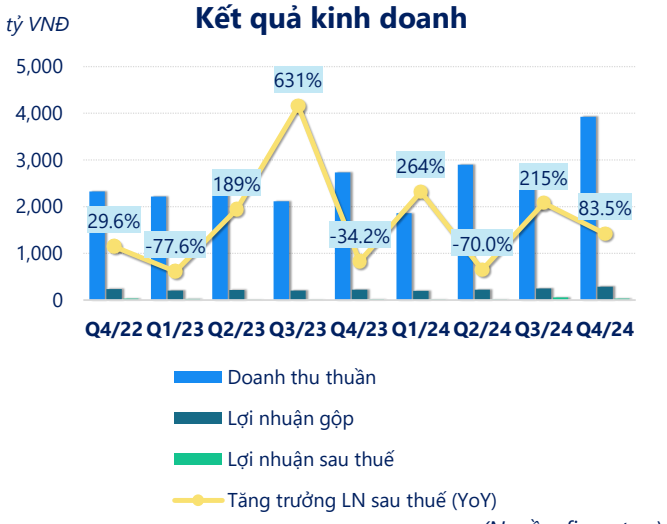

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

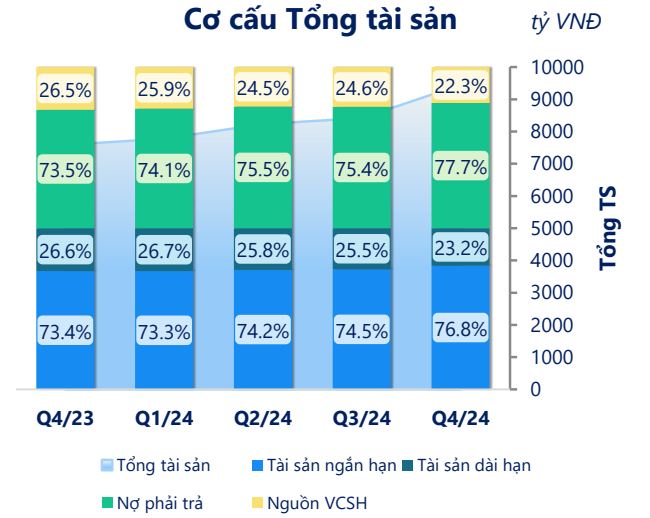

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

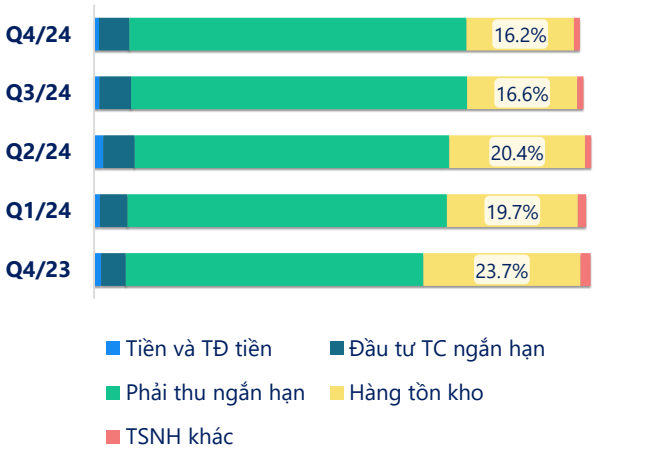

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

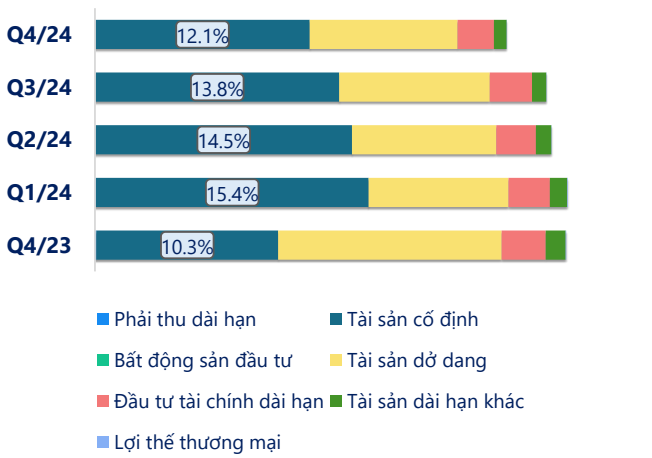

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

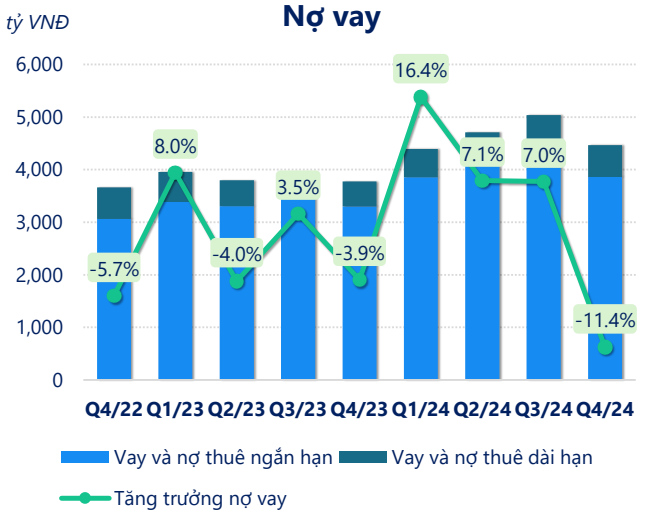

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

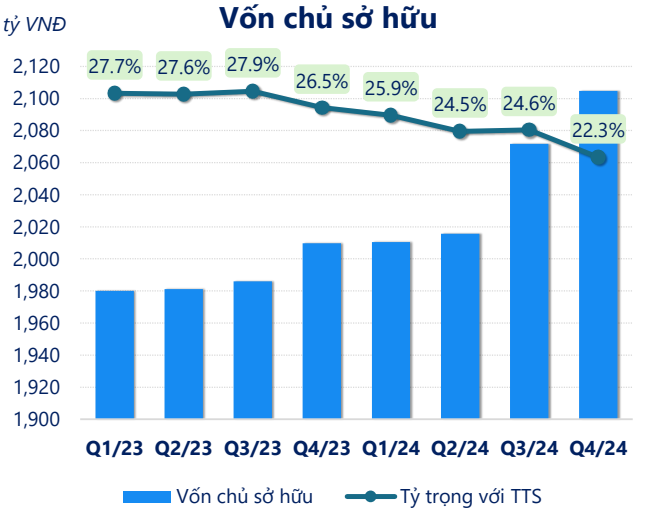

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

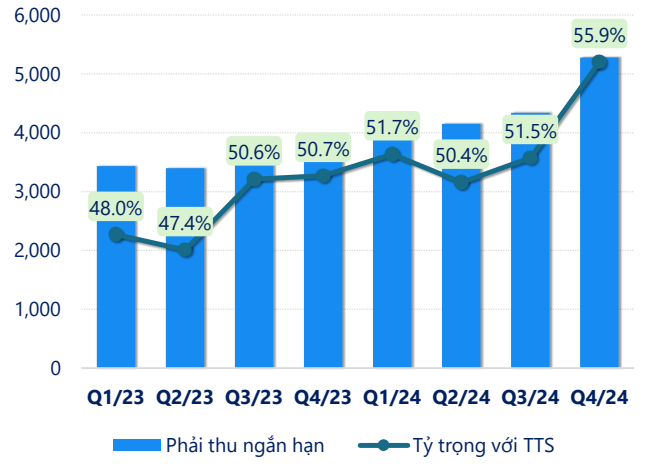

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

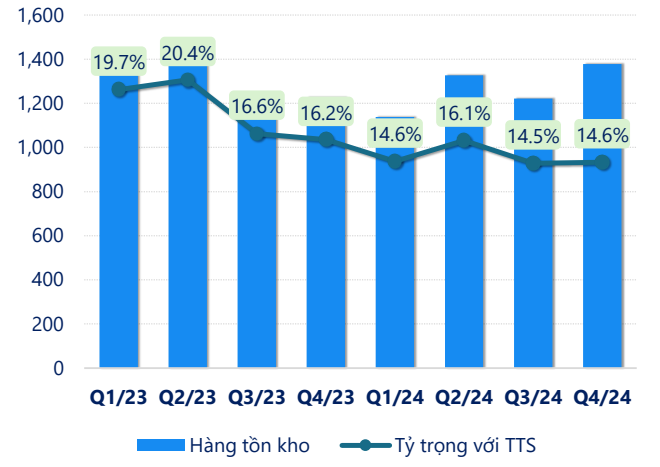

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

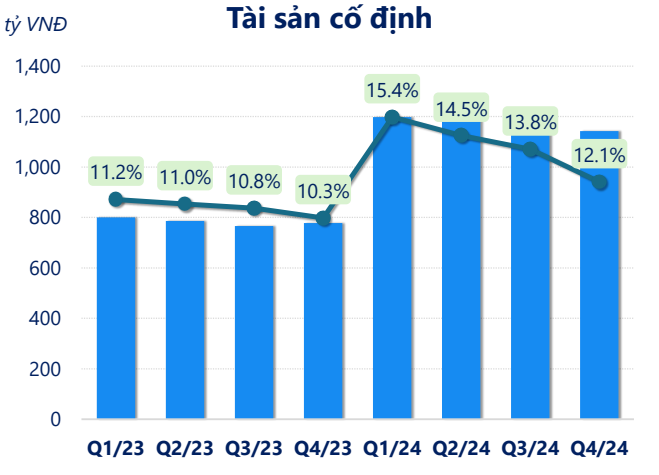

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

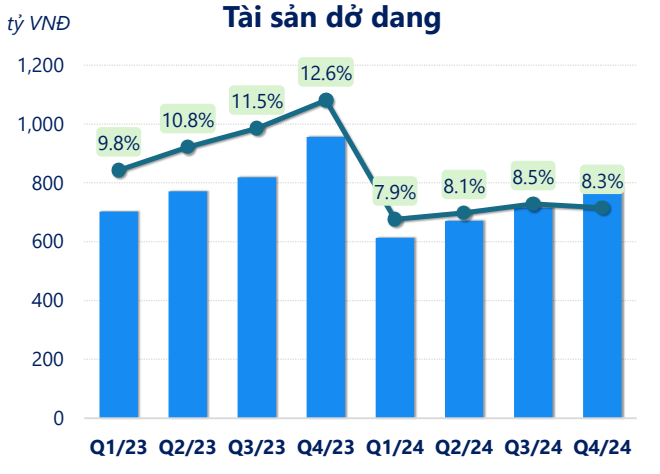

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

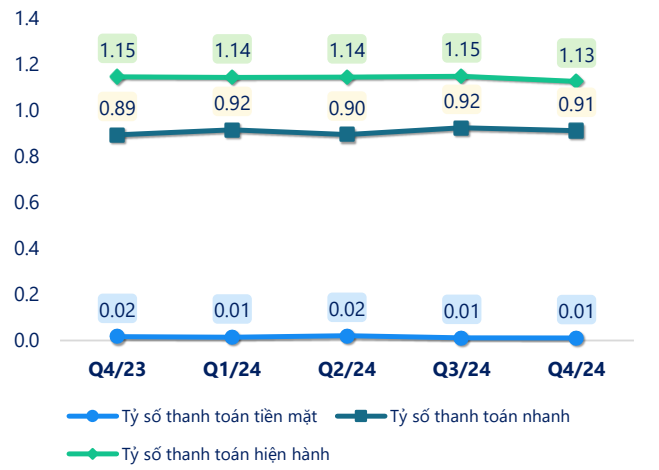

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

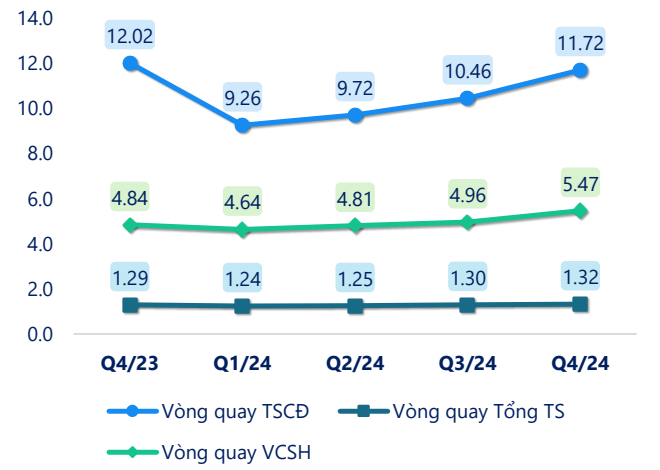

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**7,582**	**7,775**	**8,233**	**8,418**	**9,448**
Tài sản ngắn hạn	**5,566**	**5,701**	**6,112**	**6,273**	**7,252**
Tiền và tương đương tiền	79.2	67.9	111	66.2	70.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	346	393	373	429	411
Phải thu ngắn hạn	3,845	4,019	4,150	4,338	5,279
Hàng tồn kho	1,226	1,138	1,327	1,221	1,378
Tài sản ngắn hạn khác	69.6	82.9	150	220	112
Tài sản dài hạn	**2,016**	**2,074**	**2,122**	**2,145**	**2,196**
Phải thu dài hạn	5.94	3.24	2.72	1.74	2.23
Tài sản cố định	778	1,198	1,191	1,158	1,142
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	956	613	670	715	789
Đầu tư tài chính dài hạn	189	181	184	200	193
Tài sản dài hạn khác	85.0	76.4	71.3	67.7	68.3
Lợi thế thương mại	2.56	2.38	2.20	2.03	1.85
Nợ phải trả	**5,572**	**5,765**	**6,218**	**6,346**	**7,344**
Nợ ngắn hạn	**4,854**	**4,982**	**5,341**	**5,462**	**6,439**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,300	3,854	4,133	4,455	3,862
Phải trả người bán ngắn hạn	395	404	667	612	1,736
Nợ dài hạn	718	782	877	884	904
Vay và nợ thuê dài hạn	476	540	575	582	602
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,010**	**2,010**	**2,016**	**2,072**	**2,105**
Vốn chủ sở hữu	**2,010**	**2,010**	**2,016**	**2,072**	**2,105**
Vốn điều lệ	1,622	1,622	1,622	1,622	1,622
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)